

(II) Da vụn và phế liệu khác

Nhóm này bao gồm:

(1) Da vụn và các phế liệu khác từ da (kể cả da thuộc tổng hợp hoặc da giấy) sinh ra từ việc sản xuất các sản phẩm da thuộc, phù hợp để sản xuất da thuộc tổng hợp hoặc keo dán,... hoặc sử dụng làm phân bón.

(2) Đồ da hỏng, không thể sử dụng tiếp với mục đích ban đầu, và không sử dụng như da thuộc để sản xuất các sản phẩm khác.

(3) Bụi và bột da thuộc (phế liệu của cạo da thuộc và mài da thuộc) dùng làm phân bón hoặc để làm da lộn nhân tạo, vật liệu làm sản phẩm tổng hợp...

(4) Bột da, tạo ra bởi quá trình nghiền da phế liệu và được dùng làm sợi da lộn hoặc chất độn trong plastic,...

Những mẫu da thuộc vụn hoặc đồ da thuộc hỏng (ví dụ, dây đai cho máy cũ) có thể được dùng để sản xuất sản phẩm da thuộc thì được phân loại như da thuộc ở nhóm tương ứng (các nhóm 41.07 hoặc từ 41.12 đến 41.14).

Nhóm này cũng không bao gồm:

(a) Vụn da và chất thải tương tự từ da sống (nhóm 05.11).

(b) Giày dép cũ thuộc nhóm 63.09.

Chương 42

Các sản phẩm bằng da thuộc; yên cương và bộ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại đồ chứa tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ ruột con tằm)

Chú giải.

1.- Theo mục đích của chương này, thuật ngữ "da thuộc" gồm cả da thuộc đầu (bao gồm cả da thuộc đầu kết hợp), da láng, da láng bằng màng mỏng được tạo trước và da nhũ kim loại.

2.- Chương này không bao gồm:

(a) Chỉ catgut vô trùng dùng trong phẫu thuật hoặc các vật liệu khâu vô trùng tương tự dùng trong phẫu thuật (nhóm 30.06);

(b) Hàng may mặc hoặc đồ phụ trợ quần áo (trừ găng tay, găng hở ngón và găng tay bao), được lót bằng da lông hoặc da lông nhân tạo hoặc gắn da lông hoặc da lông nhân tạo ở mặt ngoài trừ đồ trang trí thuần túy (nhóm 43.03 hoặc 43.04);

(c) Các loại lưới hoàn chỉnh (nhóm 56.08);

(d) Các mặt hàng thuộc Chương 64;

(e) Mũ và các vật đội đầu khác hoặc các bộ phận của chúng thuộc Chương 65;

(f) Roi da, roi điều khiển súc vật hoặc các mặt hàng khác thuộc nhóm 66.02;

(II) Parings and other waste

This group covers :

(1) Parings and other waste of leather (including composition or parchment-dressed leather) resulting from the manufacture of leather goods, suitable for the production of composition leather or glue, etc., or for use as fertilisers.

(2) Worn out articles of leather, incapable of further use for their original purpose, and not usable as leather for the production of other articles.

(3) Leather dust and powder (the waste of leather buffing and fluffing) used as a fertiliser or for making artificial suèdes, composition floorings, etc.

(4) Leather flour, produced by grinding waste leather and used in making suèded fabrics or as a filler in plastics, etc.

Scrap pieces of leather and worn out leather goods (e.g., old machinery belting) capable of being used in the manufacture of leather goods are classified as leather in the appropriate heading (headings 41.07 or 41.12 to 41.14).

The heading also excludes :

(a) Parings and similar waste of raw hides or skins (heading 05.11).

(b) Old footwear of heading 63.09.

Chapter 42

Articles of leather; saddlery and harness; travel goods, handbags and similar containers; articles of animal gut (other than silk-worm gut)

Notes.

1.- For the purposes of this Chapter, the term "leather" includes chamois (including combination chamois) leather, patent leather, patent laminated leather and metallised leather.

2- This Chapter does not cover :

(a) Sterile surgical catgut or similar sterile suture materials (heading 30.06);

(b) Articles of apparel or clothing accessories (except gloves, mittens and mitts), lined with furskin or artificial fur or to which furskin or artificial fur is attached on the outside except as mere trimming (heading 43.03 or 43.04);

(c) Made up articles of netting (heading 56.08);

(d) Articles of Chapter 64;

(e) Headgear or parts thereof of Chapter 65;

(f) Whips, riding-crops or other articles of heading 66.02;

(g) Khuy măng sét, vòng tay hoặc các đồ trang sức làm bằng chất liệu khác (nhóm 71.17);

(h) Các đồ gắn trang trí cho bộ đồ yên cương, như bàn đạp ở yên cương ngựa, hàm thiếc ngựa, yếm ngựa và khóa yên ngựa, được trình bày riêng (thường thuộc Phần XV);

(ij) Dây da, da để làm trống hoặc loại tương tự, hoặc các bộ phận khác của nhạc cụ (nhóm 92.09);

(k) Các sản phẩm thuộc Chương 94 (ví dụ, đèn nội thất, đèn (luminaires) và bộ đèn);

(l) Các sản phẩm thuộc Chương 95 (ví dụ, đồ chơi, thiết bị trò chơi, dụng cụ, thiết bị thể thao); hoặc

(m) Khuy các loại, khuy bấm, khóa bấm, khuy tán bấm, lõi khuy (loại khuy bọc) hoặc bộ phận khác của các mặt hàng này, khuy chưa hoàn chỉnh, thuộc nhóm 96.06.

3. (A) Ngoài các quy định của Chú giải 2 nói trên, nhóm 42.02 không bao gồm:

(a) Túi làm bằng các tấm plastic, đã hoặc chưa in, có tay cầm, không được thiết kế để sử dụng lâu dài (nhóm 39.23);

(b) Sản phẩm bằng vật liệu tết bện (nhóm 46.02).

(B) Các sản phẩm của nhóm 42.02 và 42.03 có các bộ phận làm bằng kim loại quý hoặc kim loại mạ kim loại quý, ngọc trai tự nhiên hay nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo) cũng được phân loại vào nhóm này ngay cả khi các bộ phận như vậy không chỉ ghép nối hoặc trang trí đơn giản, miễn là chúng không làm cho sản phẩm có thêm đặc tính khác. Trong trường hợp, các bộ phận đó tạo ra đặc tính cho sản phẩm thì sản phẩm đó được xếp vào Chương 71.

4. - Theo mục đích của nhóm 42.03, *không kể những đề cập khác*, thuật ngữ “hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo” áp dụng đối với các loại găng tay, găng hồ ngón và găng bao tay (kể cả các loại găng dùng trong thể thao và bảo hộ), tạp dề và các loại quần áo bảo hộ khác, thắt lưng, dây đeo quần, dây đeo súng và đai da cổ tay, nhưng trừ dây đeo đồng hồ (nhóm 91.13).

TỔNG QUÁT

Chương này chủ yếu bao gồm các mặt hàng bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp; tuy nhiên, các nhóm 42.01 và 42.02 cũng bao gồm một số mặt hàng có đặc tính của ngành da nhưng làm từ các chất liệu khác. Ngoài ra, Chương này bao gồm một số mặt hàng làm bằng ruột động vật, màng ruột già (dùng trong kỹ thuật dát vàng), bong bóng hoặc gân.

Da thuộc

Theo mục đích của Chương này, thuật ngữ “da thuộc” được định nghĩa tại Chú giải 1 của Chương này. Thuật ngữ “da thuộc” gồm cả da thuộc dẫu (bao gồm cả da thuộc dẫu kết hợp), da láng, da láng bằng màng mỏng được tạo trước và da nhũ kim loại, tức là, các sản phẩm được mô tả trong nhóm 41.14.

(g) Cuff-links, bracelets or other imitation jewellery (heading 71.17);

(h) Fittings or trimmings for harness, such as stirrups, bits, horse brasses and buckles, separately presented (generally Section XV);

(ij) Strings, skins for drums or the like, or other parts of musical instruments (heading 92.09);

(k) Articles of Chapter 94 (for example, furniture, luminaires and lighting fittings);

(l) Articles of Chapter 95 (for example, toys, games, sports requisites); or

(m) Buttons, press-fasteners, snap-fasteners, press-studs, button moulds or other parts of these articles, button blanks, of heading 96.06.

3. - (A) In addition to the provisions of Note 2 above, heading 42.02 does not cover:

(a) Bags made of sheeting of plastics, whether or not printed, with handles, not designed for prolonged use (heading 39.23);

(b) Articles of plaiting materials (heading 46.02).

(B) Articles of headings 42.02 and 42.03 which have parts of precious metal or metal clad with precious metal, of natural or cultured pearls, of precious or semi-precious stones (natural, synthetic or reconstructed) remain classified in those headings even if such parts constitute more than minor fittings or minor ornamentation, provided that these parts do not give the articles their essential character. If, on the other hand, the parts give the articles their essential character, the articles are to be classified in Chapter 71.

4. - For the purposes of heading 42.03, the expression “articles of apparel and clothing accessories” applies, *inter alia*, to gloves, mittens and mitts (including those for sport or for protection), aprons and other protective clothing, braces, belts, bandoliers and wrist straps, but excluding watch straps (heading 91.13).

GENERAL

This Chapter principally covers articles of leather or composition leather; however, headings 42.01 and 42.02 also include certain articles characteristically of the leather trade but made from other materials. It further covers certain articles of gut, goldbeater's skin, bladders or tendons.

Leather

For the purposes of this Chapter, the term “leather” is defined in Note 1 to this Chapter. The term “leather” includes chamois (including combination chamois) leather, patent leather, patent laminated leather and metallised leather, i.e., the products described in heading 41.14.

Tuy nhiên, một số mặt hàng bằng da thuộc được phân loại trong các **Chương khác** và được đề cập đến trong Chú giải Chi tiết của các nhóm khác nhau dưới đây.

42.01 - Yên cương và bộ yên cương dùng cho các loại động vật (kể cả dây kéo, dây dắt, miếng đệm đầu gối, đai hoặc rọ bịt mõm, vải lót yên, túi yên, áo chó và các loại tương tự), làm bằng vật liệu bất kỳ.

Nhóm này bao gồm đồ dùng cho tất cả các loại động vật, bằng da thuộc, da thuộc tổng hợp, da lông, các mặt hàng dệt hoặc các chất liệu khác.

Ngoài các loại khác, các mặt hàng này bao gồm yên cương và bộ yên cương (kể cả dây cương, dây và dây kéo) dùng cho yên ngựa, động vật kéo vật nặng, miếng đệm đầu gối, miếng da che mắt ngựa và giày cho ngựa, những đồ bên ngoài được trang trí dùng cho động vật xiếc, đai bịt mõm cho động vật, đai cổ, dây dắt chó và đồ bên ngoài cho chó hoặc mèo, vải lót yên, đệm lót yên và túi lót yên, chăn được tạo hình đặc biệt để dùng cho ngựa, áo ngoài cho chó.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Các đồ gắn trang trí cho bộ đồ yên cương, như bàn đạp ở yên cương ngựa, hàm thiếc ngựa, yếm ngựa và khóa yên ngựa, được trình bày riêng (thường thuộc **Phần XV**) và các đồ trang trí như lông vũ dùng cho động vật xiếc (được phân loại trong các nhóm phù hợp của chúng).

(b) Bộ yên cương dùng cho trẻ em hoặc người lớn (**các nhóm 39.26, 42.05, 63.07...**)

(c) Roi da, roi điều khiển súc vật hoặc các mặt hàng khác thuộc nhóm 66.02.

42.02 - Hòm, vali, xác đựng đồ nữ trang, cặp tài liệu, cặp sách, túi, cặp đeo vai cho học sinh, bao kính, bao ống nhòm, hộp camera, hộp nhạc cụ, bao súng, bao súng ngắn và các loại đồ chứa tương tự; túi du lịch, túi đựng đồ ăn hoặc đồ uống có phủ lớp cách, túi đựng đồ vệ sinh cá nhân, ba lô, túi xách tay, túi đi chợ, xác cốt, ví, túi đựng bản đồ, hộp đựng thuốc lá điếu, hộp đựng thuốc lá sợi, túi đựng dụng cụ, túi thể thao, túi đựng chai rượu, hộp đựng đồ trang sức, hộp đựng phấn, hộp đựng dao kéo và các loại đồ chứa tương tự bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp, bằng tấm plastic, bằng vật liệu dệt, bằng sợi lưu hóa hoặc bằng bìa, hoặc được phủ toàn bộ hay chủ yếu bằng các vật liệu trên hoặc bằng giấy.

- Hòm, vali, xác đựng đồ nữ trang, cặp tài liệu, cặp sách, túi, cặp đeo vai cho học sinh và các loại đồ chứa tương tự:

4202.11 - - Mặt ngoài bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp

4202.12 - - Mặt ngoài bằng plastic hoặc vật liệu dệt

4202.19 - - Loại khác

- Túi xách tay, có hoặc không có quai đeo vai, kể cả loại không có tay cầm:

Certain leather articles, however, are classified in other Chapters and these are referred to in the Explanatory Notes to the various headings hereafter.

42.01 - Saddlery and harness for any animal (including traces, leads, knee pads, muzzles, saddle cloths, saddle bags, dog coats and the like), of any material.

This heading covers equipment for all kinds of animals, of leather, composition leather, fur skin, textiles or other materials.

These goods include, inter alia, saddles and harness (including reins, bridles and traces) for saddle, draught and pack animals, knee pads, blinkers and boots for horses, decorated trappings for circus animals, muzzles for any animal, collars, leads and trappings for dogs or cats, saddle cloths, saddle cushions and saddle bags, horse blankets specially shaped for the purpose, coats for dogs.

The heading **does not cover** :

(a) Fittings or trimmings for harness, such as stirrups, bits, horse brasses and buckles, separately presented (generally Section XV) and decorations such as plumes for circus animals (classified in their own appropriate headings).

(b) Harness for children or adults (**headings 39.26, 42.05, 63.07, etc.**).

(c) Whips, riding-crops or other articles of heading 66.02.

42.02 - Trunks, suit-cases, vanity-cases, executive-cases, brief-cases, school satchels, spectacle cases, binocular cases, camera cases, musical instrument cases, gun cases, holsters and similar containers; travelling-bags, insulated food or beverages bags, toilet bags, rucksacks, handbags, shopping-bags, wallets, purses, map-cases, cigarette-cases, tobacco-pouches, tool bags, sports bags, bottle-cases, jewellery boxes, powder-boxes, cutlery cases and similar containers, of leather or of composition leather, of sheeting of plastics, of textile materials, of vulcanised fibre or of paperboard, or wholly or mainly covered with such materials or with paper(+).

- Trunks, suit-cases, vanity-cases, executive-cases, brief-cases, school satchels and similar containers:

4202.11 - - With outer surface of leather or of composition leather

4202.12 - - With outer surface of plastics or of textile materials

4202.19 - - Other

- Handbags, whether or not with shoulder strap, including those without handle :

4202.21 -- Mặt ngoài bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp

4202.22 -- Mặt ngoài bằng plastic hoặc vật liệu dệt

4202.29 -- Loại khác

- Các đồ vật thuộc loại thường mang theo trong túi hoặc trong túi xách tay:

4202.31 -- Mặt ngoài bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp

4202.32 -- Mặt ngoài bằng tấm plastic hoặc vật liệu dệt

4202.39 -- Loại khác

- Loại khác:

4202.91 -- Mặt ngoài bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp

4202.92 -- Mặt ngoài bằng plastic hoặc vật liệu dệt

4202.99 -- Loại khác

Nhóm này **chỉ** bao gồm các mặt hàng đã được nêu tên cụ thể trong đó và các loại đồ chứa tương tự.

Các loại đồ chứa này có thể thuộc loại cứng hoặc có lớp nền cứng, hoặc mềm và không có lớp nền.

Theo các Chú giải 2 và 3 của Chương này, các mặt hàng trong phần thứ nhất của nhóm có thể làm bằng bất kỳ vật liệu nào. Khái niệm "các loại đồ chứa tương tự" trong phần thứ nhất bao gồm các loại hộp có nắp, bao phụ kiện của camera, túi đựng lựu đạn, bao đựng dao đi săn bắn hoặc cắm trại, hộp hoặc thùng đựng cụ có thể xách được, đã được tạo hình đặc biệt hoặc làm phù hợp bên trong để chứa các dụng cụ đặc biệt có hoặc không có các phụ kiện của chúng...

Tuy nhiên, các mặt hàng nằm trong phần thứ hai của nhóm này chỉ bằng những vật liệu được quy định rõ trong đó hoặc toàn bộ hoặc chủ yếu được bao phủ bằng những vật liệu như vậ hoặc bằng giấy (lớp nền có thể bằng gỗ, kim loại...). Khái niệm "da thuộc" gồm da thuộc dẫu (kể cả da thuộc dẫu kết hợp), da láng, da láng bằng màng mỏng được tạo trước và da nhũ kim loại (xem Chú giải 1 của Chương này). Khái niệm "các loại đồ chứa tương tự" trong phần thứ hai này bao gồm ví đựng tiền, hộp đựng giấy bút, hộp đựng bút, hộp vé, hộp đựng kim, hộp khoá, hộp đựng xì gà, hộp đựng râu, hộp đựng cụ và hộp đồ kim hoàn, hộp đựng giày, hộp đựng bàn chải...

Các mặt hàng thuộc nhóm này có thể có các bộ phận bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý, bằng ngọc trai tự nhiên hoặc ngọc trai nuôi, bằng các loại đá quý hoặc đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc được tái tạo), thậm chí nếu các bộ phận đó có thể cấu thành hơn mức là các đồ gắn nhỏ hoặc đồ trang trí nhỏ **với điều kiện** các bộ phận này không tạo cho mặt hàng đó những đặc tính cơ bản. Bởi vậy một chiếc túi xách tay bằng da thuộc với một khung bằng bạc và một chiếc cài bằng mã não vẫn thuộc nhóm này (xem Chú giải 3 (B) của Chương này).

4202.21 -- With outer surface of leather or of composition leather

4202.22 -- With outer surface of sheeting of plastics or of textile materials

4202.29 -- Other

- Articles of a kind normally carried in the pocket or in the handbag :

4202.31 -- With outer surface of leather or of composition leather

4202.32 -- With outer surface of sheeting of plastics or of textile materials

4202.39 -- Other

- Other:

4202.91 -- With outer surface of leather or of composition leather

4202.92 -- With outer surface of sheeting of plastics or of textile materials

4202.99 -- Other

This heading covers **only** the articles specifically named therein and similar containers.

These containers may be rigid or with a rigid foundation, or soft and without foundation.

Subject to Notes 2 and 3 to this Chapter, the articles covered by the first part of the heading may be of any material. The expression "similar containers" in the first part includes hat boxes, camera accessory cases, cartridge pouches, sheaths for hunting or camping knives, portable tool boxes or cases, specially shaped or internally fitted to contain particular tools with or without their accessories, etc.

The articles covered by the second part of the heading must, however, be only of the materials specified therein or must be wholly or mainly covered with such materials or with paper (the foundation may be of wood, metal, etc.). The term "leather" includes chamois (including combination chamois) leather, patent leather, patent laminated leather and metallised leather (see Note 1 to this Chapter). The expression "similar containers" in this second part includes note-cases, writing-cases, pen-cases, ticket-cases, needle-cases, key-cases, cigar-cases, pipe-cases, tool and jewellery rolls, shoe-cases, brush-cases, etc.

The goods of this heading may have parts of precious metal or metal clad with precious metal, of natural or cultured pearls, of precious or semi-precious stones (natural, synthetic or reconstructed), even if such parts constitute more than minor fittings or minor ornamentation, **provided** that these parts do not give the articles their essential character. Thus a leather handbag with a silver frame and a clasp of onyx would remain in this heading (see Note 3 (B) to this Chapter).

Khái niệm "túi thể thao" bao gồm các mặt hàng như túi đựng đồ chơi golf, túi đựng dụng cụ thể dục dụng cụ, túi đựng vợt tennis, túi đựng dụng cụ trượt tuyết và túi đựng cần câu cá.

Khái niệm "hộp trang sức" không chỉ bao gồm các loại hộp được thiết kế đặc biệt dùng chứa đồ kim hoàn, mà còn bao gồm các đồ chứa đựng có nắp tương tự với kích cỡ đa dạng (có hoặc không có bản lề hoặc móc cài) được tạo hình đặc biệt hoặc được làm phù hợp để chứa một hoặc nhiều miếng kim hoàn và thường được lót bằng vật liệu dệt, loại mà để trưng bày và bán các mặt hàng kim hoàn và phù hợp cho việc sử dụng lâu dài.

Khái niệm "túi đựng đồ ăn hoặc đồ uống có phủ lớp cách" bao gồm các túi chứa đựng có lớp cách có thể tái sử dụng nhằm duy trì nhiệt độ thức ăn và đồ uống trong quá trình vận chuyển hoặc bảo quản tạm thời.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Túi dùng để mua hàng, kể cả túi có hai lớp bên ngoài bằng plastics kẹp giữa lớp bên trong bằng plastic xốp, không được thiết kế để sử dụng lâu dài, như mô tả tại Chú giải 3 (A) (a) của Chương này (**nhóm 39.23**).

(b) Các mặt hàng bằng vật liệu tết bện (**nhóm 46.02**)

(c) Các mặt hàng, cho dù có đặc tính của vật chứa đựng, không giống với các mặt hàng đã được liệt kê trong nhóm này, ví dụ, bìa sách và bìa báo, bìa hồ sơ (file-covers), bìa tài liệu (document-jackets), tập giấy thấm, khung ảnh, hộp kẹo, lọ đựng thuốc lá sợi (tobacco jars), gạt tàn, bình thốt cổ làm bằng gốm, thủy tinh... và toàn bộ hoặc chủ yếu bọc bằng da thuộc, tấm plastic... Những mặt hàng như vậy thuộc **nhóm 42.05** nếu làm bằng (hoặc được bọc với) da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp, và thuộc các **Chương khác** nếu làm bằng (hoặc được bọc với) các vật liệu khác.

(d) Các mặt hàng bằng lưới (**nhóm 56.08**).

(e) Đồ trang sức làm bằng chất liệu khác (**nhóm 71.17**).

(f) Hộp hoặc thùng dụng cụ, chưa được định dạng đặc biệt hoặc phần bên trong chưa phù hợp để chứa dụng cụ đặc biệt có hoặc không có các phụ kiện của chúng (thường thuộc **nhóm 39.26** hoặc **73.26**).

(g) Bao hoặc vỏ kiếm, lưỡi lê, dao găm hoặc vũ khí tương tự (**nhóm 93.07**).

(h) Các mặt hàng thuộc **Chương 95** (ví dụ, đồ chơi, trò chơi, dụng cụ, thiết bị thể thao).

The expression "sports bags" includes articles such as golf bags, gym bags, tennis racket carrying bags, ski bags and fishing bags.

The term "jewellery boxes" covers not only boxes specially designed for keeping jewellery, but also similar lidded containers of various dimensions (with or without hinges or fasteners) specially shaped or fitted to contain one or more pieces of jewellery and normally lined with textile material, of the type in which articles of jewellery are presented and sold and which are suitable for long-term use.

The expression "insulated food or beverage bags" covers reusable insulated bags used to maintain the temperature of foods and beverages during transport or temporary storage.

The heading **does not cover** :

(a) Shopping bags, including bags consisting of two outer layers of plastics sandwiching an inner layer of cellular plastics, not designed for prolonged use, as described in Note 3 (A) (a) to this Chapter (**heading 39.23**).

(b) Articles of plaiting materials (**heading 46.02**).

(c) Articles which, although they may have the character of containers, are not similar to those enumerated in the heading, for example, book covers and reading jackets, file-covers, document-jackets, blotting pads, photo-frames, sweetmeat boxes, tobacco jars, ashtrays, flasks made of ceramics, glass, etc., and which are wholly or mainly covered with leather, sheeting of plastics, etc. Such articles fall in **heading 42.05** if made of (or covered with) leather or composition leather, and in **other Chapters** if made of (or covered with) other materials.

(d) Made up articles of netting (**heading 56.08**).

(e) Imitation jewellery (**heading 71.17**).

(f) Tool boxes or cases, not specially shaped or internally fitted to contain particular tools with or without their accessories (generally, **heading 39.26** or **73.26**).

(g) Scabbards or sheaths for swords, bayonets, daggers or similar arms (**heading 93.07**).

(h) Articles of **Chapter 95** (for example, toys, games, sports requisites).

Các chú giải phân nhóm.

Các phân nhóm 4202.11, 4202.21, 4202.31 và 4202.91

Theo mục đích của các phân nhóm này, khái niệm "với mặt ngoài bằng da thuộc" gồm da thuộc được phủ một lớp mỏng bằng plastic hoặc cao su tổng hợp không nhìn được bằng mắt thường (thường có độ dày dưới 0,15mm), để bảo vệ bề mặt da thuộc, không tính đến sự thay đổi về màu sắc hay độ bóng.

Subheading Explanatory Notes.

Subheadings 4202.11, 4202.21, 4202.31 and 4202.91

For the purposes of these subheadings, the expression "with outer surface of leather" includes leather coated with a thin layer of plastics or synthetic rubber which is invisible to the naked eye (usually less than 0.15 mm in thickness), to protect the leather surface, no account being taken of a change in colour or shine.

Các phân nhóm 4202.31, 4202.32 và 4202.39

Các phân nhóm này bao gồm những mặt hàng thuộc loại thường được đóng trong bao hoặc trong túi và bao gồm hộp đựng kính, ví, bóp, bóp đựng khoá, hộp đựng thuốc lá điếu, hộp đựng xì gà, hộp đựng tàu thuốc và túi đựng thuốc lá.

42.03 - Hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo, bằng da thuộc hoặc bằng da tổng hợp (+).

4203.10 - Hàng may mặc

- Găng tay thường, găng tay hở ngón và găng tay bao:

4203.21 -- Loại thiết kế đặc biệt dùng cho thể thao

4203.29 -- Loại khác

4203.30 - Thắt lưng và dây đeo súng

4203.40 - Đồ phụ trợ quần áo khác

Nhóm này bao gồm tất cả hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo (trừ các loại được quy định dưới đây), bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp. Bởi vậy nó bao gồm áo ngoài, áo khoác, găng tay thường, găng tay hở ngón và găng tay bao (kể cả cả găng tay thể thao hoặc bảo hộ), tạp dề, tay áo và các loại quần áo bảo hộ khác, dây đeo quần, thắt lưng, dây đeo súng, vòng đai, cà vạt và dây đai tay.

Nhóm này cũng bao gồm các dải da thuộc bằng cách cắt, được vuốt thon ở phần cuối cùng, và có thể nhận biết được khi định dùng làm thắt lưng.

Găng tay thường, găng tay hở ngón và găng tay bao làm bằng cả da thuộc và da lông hoặc bằng cả da thuộc và lông nhân tạo đều được phân loại vào nhóm này.

Ngoại trừ trường hợp của găng tay thường, găng tay hở ngón và găng tay bao, các mặt hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo bằng da thuộc hoặc bằng da tổng hợp mà chúng được lót bằng da lông hoặc lông nhân tạo, hoặc da lông hoặc lông nhân tạo được gắn lên mặt ngoài trừ khi chúng đóng vai trò là đồ trang trí đơn thuần, thuộc **nhóm 43.03** hoặc **43.04**.

Những hàng hoá vẫn được phân loại trong nhóm này dù chúng chứa hoặc không chứa các bộ phận làm nóng bằng điện.

Những hàng hoá thuộc nhóm này có thể có các bộ phận bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý, bằng ngọc trai tự nhiên hoặc ngọc trai nuôi cấy, bằng đá quý hoặc đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo), thậm chí nếu các bộ phận đó có thể cấu thành hơn mức là các đồ gắn nhỏ hoặc đồ trang trí nhỏ **với điều kiện** các bộ phận này không tạo cho mặt hàng đó những đặc tính cơ bản. Bởi vậy, thắt lưng bằng da thuộc với một chiếc khoá bằng vàng vẫn thuộc nhóm này (xem Chú giải 3 (B) của Chương này).

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

(a) Những mặt hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo bằng da đã được thuộc còn lông, cụ thể là da cừu hoặc da cừu non (**Chương 43**).

Subheadings 4202.31, 4202.32 and 4202.39

These subheadings cover articles of a kind normally carried in the pocket or in the handbag and include spectacle cases, note-cases (bill-folds), wallets, purses, key-cases, cigarette-cases, cigar-cases, pipe-cases and tobacco-pouches.

42.03 - Articles of apparel and clothing accessories, of leather or of composition leather (+).

4203.10 - Articles of apparel

- Gloves, mittens and mitts:

4203.21 -- Specially designed for use in sports

4203.29 -- Other

4203.30 - Belts and bandoliers

4203.40 - Other clothing accessories

This heading covers all wearing apparel and clothing accessories (with the exceptions specified below), of leather or of composition leather. It therefore covers coats, overcoats, gloves, mittens and mitts (including those for sport or for protection), aprons, sleeves and other protective clothing, braces, belts, bandoliers, girdles, neckties and wrist straps.

It also covers leather strips obtained by cutting, tapered at one end, and identifiable as intended for making up belts.

Gloves, mittens and mitts of both leather and furskin or of both leather and artificial fur are in all cases classified in the heading.

Except in the case of gloves, mittens and mitts, articles of apparel and clothing accessories of leather or composition leather which are lined with furskin or artificial fur, or to which furskin or artificial fur is attached on the outside except as mere trimming, fall in **heading 43.03** or **43.04**.

Goods remain classified in this heading whether or not they contain electric heating elements.

The goods of this heading may have parts of precious metal or metal clad with precious metal, of natural or cultured pearls, of precious or semi-precious stones (natural, synthetic or reconstructed), even if such parts constitute more than minor fittings or minor ornamentation, **provided** that these parts do not give the articles their essential character. Thus a leather belt with a gold buckle would remain in this heading (see Note 3 (B) to this Chapter).

The heading also **excludes** :

(a) Articles of apparel or clothing accessories of skin tanned with the hair or wool on, particularly lamb or sheep skin (**Chapter 43**).

(b) Quần áo bằng vật liệu dệt được gia cố bằng da thuộc (**Chương 61 hoặc 62**).

(c) Các mặt hàng thuộc **Chương 64** (ví dụ, giày dép và các bộ phận của giày dép).

(d) Đồ đội đầu hoặc các bộ phận của nó, thuộc **Chương 65**.

(e) Khuy măng sét, vòng đeo tay hoặc các đồ trang sức bằng các vật liệu khác (**nhóm 71.17**).

(f) Dây đeo đồng hồ (**nhóm 91.13**).

(g) Các mặt hàng thuộc **Chương 95** (ví dụ, các dụng cụ, thiết bị thể thao như bộ phận bảo vệ ống chân trong cricket, hockey... hoặc các thiết bị bảo hộ cho thể thao, ví dụ, mặt nạ đấu kiếm và tấm che ngực). (Tuy nhiên, quần áo thể thao và găng tay thường, găng tay hở ngón và găng tay bao thể thao bằng da thuộc, đều được phân loại trong nhóm này).

(h) Khuy, khuy bấm, khoá bấm và khuy tán bấm, lỗ khuy và các bộ phận khác của các mặt hàng này, khuy chưa hoàn chỉnh (**nhóm 96.06**)

(b) Garments of textile materials with leather reinforcements (**Chapter 61 or 62**).

(c) Articles of **Chapter 64** (for example, footwear and parts of footwear).

(d) Headgear or parts thereof, of **Chapter 65**.

(e) Cuff-links, bracelets or other imitation jewellery (**heading 71.17**).

(f) Watch straps (**heading 91.13**).

(g) Articles of **Chapter 95** (for example, sports requisites such as shin-guards for cricket, hockey, etc., or protective equipment for sports, e.g. fencing masks and breast plates). (Leather sports clothing and sports gloves, mittens and mitts, however, are classified in this heading.)

(h) Buttons, press-fasteners, snap-fasteners and press-studs, button moulds or other parts of these articles, button blanks (**heading 96.06**).



Chú giải phân nhóm.

Phân nhóm 4203.21

Khái niệm "găng tay thường, găng hở ngón và găng tay bao, được thiết kế đặc biệt dùng cho thể thao" bao gồm găng tay thường, găng hở ngón và găng tay bao, được bán riêng lẻ hoặc ở dạng cặp, có thiết kế đặc biệt phù hợp dùng trong thể thao (ví dụ, găng tay hockey trên băng mà bảo vệ tay và giúp cho việc cầm chặt cây gậy, và găng tay đấm bốc).

42.05 - Sản phẩm khác bằng da thuộc hoặc da tổng hợp.

Nhóm này bao gồm các mặt hàng bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp mà không nằm trong các nhóm trước của Chương này hoặc trong các Chương khác của Danh mục.

Nhóm này bao gồm các mặt hàng sau đây loại được sử dụng trong máy móc hoặc thiết bị cơ khí hoặc cho mục đích kỹ thuật khác:

(1) Đai truyền và đai tải dùng cho bất cứ bộ phận nào của máy (kể cả dây đai tết bện), được làm thành dây đai hoàn chỉnh hoặc theo chiều dài. Dây đai dệt bằng da thuộc được cấu tạo bởi những dải da thuộc đã được lựa chọn, được ghép và gắn kết các đầu với nhau. Nhìn chung dây đai tròn được cấu thành bởi những dải, được cuộn và gắn kết để tạo ra một đoạn tròn. Gàu chuyển tải cũng thuộc nhóm này.

Đai truyền hoặc đai tải đi kèm với máy móc hoặc thiết bị mà chúng được thiết kế cho, đã hoặc chưa được lắp ráp với nhau, được phân loại với máy hoặc thiết bị đó (ví dụ, **Phần XVI**).

Subheading Explanatory Note.

Subheading 4203.21

The expression "Gloves, mittens and mitts, specially designed for use in sports" includes gloves, mittens and mitts, whether sold singly or in pairs, having functional design features which make them particularly suitable for use in sports (e.g., ice hockey gloves, which protect the hands and assist the holding of the stick, and boxing gloves).

42.05 - Other articles of leather or of composition leather.

This heading covers those articles of leather or composition leather which do not fall in the preceding headings of this Chapter or in other Chapters of the Nomenclature.

The heading includes the following articles of a kind used in machinery or mechanical appliances or for other technical uses :

(1) Transmission or conveyor belting for machinery (including plaited belting) of any section, whether made up into finished belts or in the length. Flat leather belting is composed of strips of selected leather spliced and cemented end to end. Round belting is generally prepared from strips, rolled and cemented to form a circular section. Conveyor buckets are also included.

Transmission or conveyor belts or belting presented with the machines or apparatus for which they are designed, whether or not actually mounted, are to be classified with that machine or apparatus (e.g., **Section XVI**).

(2) Đai treo, miếng đệm, lược chải bằng da thuộc dùng cho máy cuộn bông, vải nền kim chải bằng da thuộc (vải nền kim chải có gắn kim thuộc **nhóm 84.48**), dây đai go và các mặt hàng bằng da thuộc khác dùng cho máy dệt vải; bánh, vòng bít, vòng đệm, van bằng da thuộc, da thuộc bọc phần bơm hoặc nén, ống ngoài của xi lanh dùng cho máy in, và da thuộc đã được đục lỗ dùng cho máy phân loại; búa có đầu bằng da sống; màng đo khí và các bộ phận bằng da thuộc khác của thiết bị hoặc dụng cụ cơ khí thuộc Chương 90; ống và hệ thống ống vòi bằng da thuộc.

Nhóm này cũng bao gồm các mặt hàng sau:

Nhân mác của hành lý; dây liếc dao cạo râu; dây buộc ủng; đồ xách tay dùng cho bưu kiện; vật chèn góc (dùng cho hòm, va li...); vỏ nệm chưa nhồi (đệm đã nhồi được phân loại trong **nhóm 94.04**); dây đai có công dụng chung (trừ loại thuộc **nhóm 42.01**); bộ yên cương cho trẻ em hoặc người lớn; viền bằng da thuộc theo chiều dọc; thảm bằng da thuộc (trừ tấm phủ yên ngựa được phân loại trong **nhóm 42.01**); tấm bọc sách; tập giấy thấm; chai nước bằng da thuộc hoặc da dê và các vật chứa đựng khác (kể cả những mặt hàng mà toàn bộ hoặc chủ yếu được bọc bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp) không giống các mặt hàng được chi tiết trong **nhóm 42.02**; bộ phận dây đeo quần; khoá dây thắt lưng, các loại móc bọc bằng da thuộc và những thứ tương tự; hòm, quả tua và những vật tương tự cho ô dù, dù che nắng hoặc gậy đi bộ; dây đeo kiềng; da thuộc đã được xử lý bề mặt bằng dầu với mép có răng cưa hoặc được ráp lại (tuy nhiên, da thuộc đã xử lý bề mặt bằng dầu không bị cắt thành hình dạng đặc biệt hoặc với mép có răng cưa, ví dụ, cho việc sử dụng như vật lau bụi, được phân loại vào **nhóm 41.14**); dụng cụ đánh bóng móng tay được bọc với da hoặc; các miếng được cắt thành hình dạng cho các mặt hàng bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp (ví dụ, hàng may mặc), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

- (a) Các bộ phận của giày, dép thuộc **Chương 64**.
- (b) Roi da, roi ngựa hoặc các mặt hàng khác thuộc **nhóm 66.02**.
- (c) Hoa, lá hoặc quả nhân tạo hoặc các phần của chúng (**nhóm 67.02**).
- (d) Khuy măng sét, vòng tay hoặc đồ trang sức bằng các vật liệu khác (**nhóm 71.17**).
- (e) Các mặt hàng thuộc **Chương 94** (ví dụ, đồ nội thất, các bộ phận của đồ nội thất, đèn (luminaires) và bộ đèn).
- (f) Các mặt hàng thuộc **Chương 95** (ví dụ, đồ chơi, thiết bị trò chơi, các dụng cụ, thiết bị thể thao).
- (g) Khuy, khuy bấm,... thuộc **nhóm 96.06**.

42.06- Sản phẩm làm bằng ruột động vật (trừ ruột con tằm), bằng màng ruột già (dùng trong kỹ thuật dát vàng), bằng bong bóng hoặc bằng gân.

Nhóm này bao gồm:

(2) Lug straps, pickers, combing leathers, card clothing leathers (card clothing fitted with pins falls in **heading 84.48**), heald straps and other leather articles for textile machinery; gears, gaskets, washers, valve leathers, pump or press leathers, cylinder sleeves for printing presses, and perforated leather for grading machines; rawhide hammers; gas meter diaphragms and other leather parts of mechanical appliances or instruments of Chapter 90; leather tubes and hose-piping.

It also includes the following articles:

Luggage labels; razor strops; boot laces; handles for parcel-carriers; corner reinforcers (for trunks, suit-cases, etc.); unstuffed pouffe cases (stuffed pouffes are classified in **heading 94.04**); straps of general use (**other than** those of **heading 42.01**); harness for children or adults; leather welts in the length; leather mats (**other than** saddle cloths which are classified in **heading 42.01**); reading-covers for books; blotting pads; leather or goatskin water bottles and other containers (including those wholly or mainly covered with leather or composition leather) not being similar to those specified in **heading 42.02**; parts of braces; leather-covered buckles, clasps and the like; cases, tassels and the like for umbrellas, sunshades or walking-sticks; sword knots; chamois-dressed leather with serrated edges or assembled (however, chamois-dressed leather not cut to special shapes or with serrated edges, e.g., for use as dusters, is classified in **heading 41.14**); nail-polishers covered with buckskin; pieces cut to shape for leather or composition leather articles (e.g., apparel), not elsewhere specified or included.

The heading also **excludes** :

- (a) Parts of footwear of **Chapter 64**.
- (b) Whips, riding-crops or other articles of **heading 66.02**.
- (c) Artificial flowers, foliage or fruit or parts thereof (**heading 67.02**).
- (d) Cuff-links, bracelets or other imitation jewellery (**heading 71.17**).
- (e) Articles of **Chapter 94** (for example, furniture, parts of furniture, luminaires and lighting fittings).
- (f) Articles of **Chapter 95** (for example, toys, games, sports requisites).
- (g) Buttons, press-fasteners, etc., of **heading 96.06**.

42.06- Articles of gut (other than silk-worm gut), of goldbeater's skin, of bladders or of tendons.

This heading includes:

(1) Chỉ catgut, được sản xuất bằng cách xoắn các dải ruột đã làm sạch và khô, đặc biệt là ruột cừu. Chỉ catgut được sử dụng chủ yếu trong việc sản xuất các loại vợt, dây câu cá và các bộ phận máy móc.

Tuy nhiên, nhóm này **loại trừ** chỉ khâu phẫu thuật đã tiệt trùng hoặc các vật liệu khâu tiệt trùng tương tự (**nhóm 30.06**) hoặc ruột được làm thành dây đàn trong dụng cụ âm nhạc (**nhóm 92.09**).

(2) Màng ruột già (dùng trong kỹ thuật dát vàng) ở dạng miếng hình chữ nhật (kể cả hình vuông) hoặc cắt thành dạng hình khác, và các mặt hàng khác bằng màng ruột già. (Màng ruột già là ruột tịt đã được chế biến của cừu hoặc các động vật nhai lại khác).

(3) Các mặt hàng làm từ bong bóng, như bao thuốc lá dạng sợi; gân làm thành dây đai của máy móc, dải buộc cho dây đai của máy... Ruột động vật "nhân tạo" được làm bằng cách gắn các khúc ruột tự nhiên với nhau cũng thuộc nhóm này

Chương 43

Da lông và da lông nhân tạo; các sản phẩm làm từ da lông và da lông nhân tạo

Chú giải.

1.- Trong toàn bộ Danh mục những nội dung liên quan đến “da lông”, trừ da lông sống thuộc nhóm 43.01, áp dụng cho da sống còn lông của các loài động vật, đã thuộc hoặc chuội.

2.- Chương này không bao gồm:

(a) Da chim hoặc các phần của da chim, có lông vũ hoặc lông tơ (nhóm 05.05 hay 67.01);

(b) Da sống, còn lông, thuộc Chương 41 (xem Chú giải 1(c) Chương đó);

(c) Găng tay, găng hở ngón và găng tay bao, bằng da thuộc và da lông hoặc bằng da thuộc và da lông nhân tạo (nhóm 42.03);

(d) Các vật phẩm thuộc Chương 64;

(e) Mũ và các vật đội đầu khác hoặc các bộ phận của chúng thuộc Chương 65; hoặc

(f) Các mặt hàng thuộc Chương 95 (ví dụ, đồ chơi, thiết bị trò chơi, dụng cụ, thiết bị thể thao).

3.- Nhóm 43.03 kể cả da lông và các phần da lông, được ghép cùng với vật liệu khác, và da lông và các phần da lông, được may lại với nhau tạo thành quần áo hay các chi tiết hoặc phụ trợ quần áo hoặc dưới dạng sản phẩm khác.

4.- Hàng may mặc và phụ trợ quần áo (trừ các sản phẩm mà phần Chú giải 2 đã loại trừ) được lót bằng da lông hoặc da lông nhân tạo hoặc ở mặt ngoài được đính da lông hoặc da lông nhân tạo trừ đồ trang trí thuần túy được xếp vào nhóm 43.03 hay 43.04 tùy theo từng trường hợp.

5.- Trong toàn bộ Danh mục cụm từ “da lông nhân tạo” là loại giả da lông gồm lông cừu, lông động vật hay các loại sợi khác được gắn hoặc may lên da thuộc, lên vải

(1) Catgut, manufactured by twisting strips of cleaned and dried gut, especially sheep's gut. Catgut is used mainly in the manufacture of rackets, of fishing tackle and of machinery parts.

The heading **excludes**, however, sterile surgical catgut or similar sterile suture materials (**heading 30.06**) or gut put up or prepared as musical instrument strings (**heading 92.09**).

(2) Goldbeater's skin in rectangular (including square) pieces or cut to other shapes, and other articles of goldbeater's skin. (Goldbeater's skin is the prepared blind gut of sheep or other ruminant animals).

(3) Articles made from bladders, such as tobacco pouches; tendons made up as machinery belting, laces for machinery belting, etc. “Artificial” guts made by glueing together split natural guts also fall in this heading.

Chapter 43

Furskins and artificial fur; manufactures thereof

Notes.

1. - Throughout the Nomenclature references to “furskins”, other than to raw furskins of heading 43.01, apply to hides or skins of all animals which have been tanned or dressed with the hair or wool on.

2. - This Chapter does not cover :

(a) Birdskins or parts of birdskins, with their feathers or down (heading 05.05 or 67.01);

(b) Raw hides or skins, with the hair or wool on, of Chapter 41 (see Note 1 (c) to that Chapter);

(c) Gloves, mittens and mitts, consisting of leather and furskin or of leather and artificial fur (heading 42.03);

(d) Articles of Chapter 64;

(e) Headgear or parts thereof of Chapter 65; or

(f) Articles of Chapter 95 (for example, toys, games, sports requisites).

3. - Heading 43.03 includes furskins and parts thereof, assembled with the addition of other materials, and furskins and parts thereof, sewn together in the form of garments or parts or accessories of garments or in the form of other articles.

4. - Articles of apparel and clothing accessories (except those excluded by Note 2) lined with furskin or artificial fur or to which furskin or artificial fur is attached on the outside except as mere trimming are to be classified in heading 43.03 or 43.04 as the case may be.

5. - Throughout the Nomenclature the expression “artificial fur” means any imitation of furskin consisting of wool, hair or other fibres gummed or